

Bản án số: 582/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 20/6/2019.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Nguyễn Chí Cao

2/ Bà Hoàng Thị Bích Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2019/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 145/2019/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2086/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và quyết định hoãn phiên tòa số 3629/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu H, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lâm Công T, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: đường T, Khóm D, Phường C, Thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

(Đều có mặt)

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lâm Công T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Phan Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Lâm Công T bắt đầu chung sống từ năm 2004, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B vào ngày 18 tháng 3 năm 2005. Thời gian đầu bà và ông T chung sống cũng hạnh phúc, đến năm 2016 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, đôi bên hay cãi nhau về vấn đề tài chính, cách nuôi dạy con. Ông T thì thường xuyên đi làm xa nhà, dẫn đến bà và ông T sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Lâm Công T.

Về con chung: Bà và ông T có một con chung tên Lâm Ngọc Xuân T, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2006. Hiện cháu T đang sống với bà. Khi ly hôn bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

Về tài sản chung, bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 01 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lâm Công T trình bày:

Ông và bà Phan Thị Thu H bắt đầu chung sống từ năm 2004, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B vào ngày 18 tháng 3 năm 2005. Từ khi kết hôn thì ông sống ở gia đình bên vợ. Thời gian đầu ông và bà H chung sống cũng hạnh phúc, đến năm 2015 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nhưng sau đó giữa vợ chồng đã hòa giải được với nhau. Ông đi làm xa ở S nhưng hàng tháng ông có về thăm nhà và vợ con khoảng 03 lần. Mặc dù vợ chồng ông sống ly thân hơn một năm nay nhưng ông nhận thấy mâu thuẫn xảy ra giữa ông và bà H không lớn để đến mức phải ly hôn. Ông còn thương vợ thương con nên ông không đồng ý ly hôn, ông mong được đoàn tụ. Ngoài ra, do chưa rõ ràng về tài sản chung nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà H có một con chung tên Lâm Ngọc Xuân T, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2006. Hiện cháu T đang sống với vợ chồng ông, ông cũng đồng ý giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, ông sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng, nếu tháng nào có thu nhập nhiều hơn thì ông sẽ lo cho con nhiều hơn.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống ông và bà H cũng tạo ra được một số tài sản không lớn, xem như không có. Ông xét thấy chưa cần thiết yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Ngoài ra, vì cha mẹ vợ của ông có một đứa con nên cha mẹ vợ đã ủy quyền tài sản rồi nhưng bà H giữ nên ông không thấy tờ ủy quyền, ông không thể trình bày rõ cho Tòa án vấn đề này được nhưng ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án số 145/2019/HNGĐ-ST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 11 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thu H đối với bị đơn ông Lâm Công T về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về hôn nhân: Bà Phan Thị Thu H được ly hôn với ông Lâm Công T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Thu H và ông Lâm Công T chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 26 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 18 tháng 3 năm 2005 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Lâm Ngọc Xuân T, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2006 cho bà Phan Thị Thu H tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Lâm Công T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông Lâm Công T không thực hiện việc cấp dưỡng theo quyết định thì bà Phan Thị Thu H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Lâm Công T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà Phan Thị Thu H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lâm Công T chậm thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con ông Lâm Công T phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thực hiện tại thời điểm thanh toán.

Ông Lâm Công T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung: Bà Phan Thị Thu H và ông Lâm Công T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Bà Phan Thị Thu H và ông Lâm Công T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo qui định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019, ông Lâm Công T kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 145/2019/HNGĐ-ST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: Ông muốn đoàn tụ gia đình để nuôi con. Ông không chấp nhận ly hôn vì tài sản chưa rõ ràng nên kháng cáo để Tòa xem xét. Đề nghị Tòa án xem xét sửa bản án nêu trên để được đoàn tụ với gia đình để nuôi vợ con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Lâm Công T trình bày: Trước giờ ông ở gia đình vợ, chăm lo gia đình bên vợ không muốn ly hôn vì thương con muốn con có cả cha lẫn mẹ, cùng nuôi dạy con tốt. Ông nêu tại đơn kháng cáo tài sản chưa rõ ràng chỉ làm cái có để có thời gian vợ chồng hòa giải hàn gắn. Tại phiên tòa hôm nay ông không yêu cầu gì về vấn đề tài sản chỉ Tòa mong xem xét đoàn tụ cùng vợ con.

Nguyên đơn bà Phan Thị Thu H trình bày: Hiện nay bà không còn tình cảm vợ chồng với ông T, bà đã nhiều lần xin cho ông T về thành phố để làm việc nhưng ông T không đồng ý. Mặt khác, ông T hay ghen tuông, bạo hành bà làm bà sợ dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách nên từ năm 2016 thì vợ chồng đã ly thân cho đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự về “Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử phúc thẩm” tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Công T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo ngày 06 tháng 3 năm 2019 của ông Lâm Công T nộp trong thời hạn luật định và đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm ngày 07/3/2019, là phù hợp với quy định tại Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lâm Công T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 26 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/3/2005 thì quan

hệ hôn nhân giữa ông Lâm Công T và bà Phan Thị Thu Phương là hôn nhân hợp pháp.

Theo các kết quả trả lời xác minh của địa phương về tình trạng hôn nhân thì trong quá trình chung sống giữa bà H và ông T vẫn đề mâu thuẫn trong gia đình như thế nào không nắm được; không nhận hay biết được tin tức mâu thuẫn giữa bà H và ông T. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ông T thừa nhận vợ chồng hiện tại đã ly thân gần 02 năm, có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về cách nuôi dạy con cái, về tài chính, làm việc ở dưới tỉnh nên điều kiện ở nhà thường không nhiều, do đó không thể chia sẻ hết công việc gia đình với bà H. Ngoài ra, lý do ông không đồng ý ly hôn với bà H tại biên bản hòa giải ngày 25/01/2019, biên bản phiên tòa ngày 21/02/2019 là do chưa rõ ràng về tài sản chung nên chưa ly hôn, nếu ly hôn thì phải bù đắp cho ông phần nào để đảm bảo cuộc sống cho ông. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cương quyết xin ly hôn vì tình cảm vợ chồng xa cách nhiều năm, hiện đã không còn tình cảm với ông T, ông T mong muốn được đoàn tụ cùng vợ con, để vợ chồng cùng lo cho con, ông thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, ông đã nhiều lần muốn hòa giải cùng vợ nhưng ông không nói chuyện được với vợ ông, hiện vợ chồng đã ly thân 02 năm nay, ông đã làm đơn xin chuyển công tác nhiều lần nhưng trên thành phố không nhận, đối với tài sản mà ông bỏ ra gia đình vợ ông không yêu cầu.

Như vậy, có cơ sở cho rằng quá trình chung sống ông T và bà H có phát sinh mâu thuẫn kéo dài do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, về cách nuôi dạy con cái, về tài chính, ông T đã làm việc ở Đài truyền hình Sóc Trăng 18 năm không thể chia sẻ hết công việc gia đình với bà H. Bà H và ông T đã ly thân từ hai năm nay, giữa ông T và bà H không có sự tôn trọng, tin tưởng, thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

2.2. Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà H có một con chung tên Lâm Ngọc Xuân T, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2006. Hiện cháu T đang sống với bà H. Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm nếu ly hôn ông T và bà H cùng thỏa thuận cho bà H tiếp tục được trực tiếp nuôi con chung tên Lâm Ngọc Xuân T, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2006 dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng kể từ ngày 07 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 7/2019 cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử ghi nhận mức cấp dưỡng nêu trên theo thỏa thuận của các đương sự được quy định tại Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

2.3/ Về tài sản chung: Các đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác để yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.4/ Nợ chung: Không có.

Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Công T, giữ nguyên án sơ thẩm như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Phan Thị Thu H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo ông Lâm Công T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Khoản 1 Điều 148 và Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 và Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Công T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 145/2019/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thu H được ly hôn với ông Lâm Công T.

Giấy đăng ký kết hôn số 26 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/3/2005 cho ông Lâm Công T và bà Phan Thị Thu H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Con chung: Giao con chung tên Lâm Ngọc Xuân T, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2006 cho bà Phan Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận ông T đồng ý mức cấp dưỡng cho con chung 2.000.000 (Hai

triệu) đồng/tháng cho đến tuổi trưởng thành kể từ ngày 07 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 7/2019.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T nếu ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như trên thì hàng tháng ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Thực hiện tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

3. Tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

4. Nợ chung: Không có.

5. Án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Thu H phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0005374 ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lâm Công T phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0006935 ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Án phí cấp dưỡng nuôi con ông Lâm Công T phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Như vậy, ông Lâm Công T còn phải nộp số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Tòa án nhân dân quận N TP.HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện B TP. HCM;
- UBND xã Đ, huyện, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 20 tháng 6 năm 2019

Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm, gồm có:

Các Thẩm phán: 1/ Ông Nguyễn Chí Cao

2/ Bà Hoàng Thị Bích Duyên

Tiếp nhận hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 47/2019/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn”; giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu H, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lâm Công T, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: đường T, Khóm D, Phường C, Thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Biểu quyết: 3/3 các vấn đề sau:

Căn cứ vào Điều 147, Khoản 1 Điều 148 và Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 và Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Công T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 145/2019/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thu H được ly hôn với ông Lâm Công T.

Giấy đăng ký kết hôn số 26 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/3/2005 cho ông Lâm Công T và bà Phan Thị Thu H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Con chung: Giao con chung tên Lâm Ngọc Xuân T, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2006 cho bà Phan Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận ông T đồng ý mức cấp dưỡng cho con chung 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng cho đến tuổi trưởng thành kể từ ngày 07 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 7/2019.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T nếu ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như trên thì hàng tháng ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Thực hiện tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

3. Tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

4. Nợ chung: Không có.

5. Án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Thu H phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0005374 ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lâm Công T phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0006935 ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Án phí cấp dưỡng nuôi con ông Lâm Công T phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Như vậy, ông Lâm Công T còn phải nộp số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 30 phút ngày 20 tháng 6 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Duyên

Nguyễn Chí Cao

Lê Phan Thị Minh Nguyệt